

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2023

V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tổng Văn Tâm

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: số nhà 1, tổ 3, khu phố T, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Thanh M, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: ấp 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ tạm trú: số nhà 1, tổ 3, khu phố T, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Huỳnh Thanh M quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) H, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105, ngày 08/8/2003. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc,

cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Khoảng đầu năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt. Khoảng tháng 4/2022, do không thể tiếp tục cuộc hôn nhân như vậy với ông M nên bà Ng nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó vì con và cả hai cũng muốn cho nhau cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nên bà Ng đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện và ông M vẫn chứng nào thật ấy. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2022. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông M.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 07/7/2003; Huỳnh Ngọc Minh Ch, sinh ngày 08/3/2005 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Nhã U và yêu cầu ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng các con chung Huỳnh Minh H và Huỳnh Ngọc Minh Ch đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2023 bị đơn ông Huỳnh Thanh M trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Huỳnh Thanh M thống nhất với lời trình bày của bà Ng về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có rõ ràng về tiền bạc, cách nuôi dạy con cái; không những vậy bà Ng còn thường xuyên nhắn tin qua lại với người đàn ông khác, điều này cũng đã được ông M phát hiện và khuyên can, nhưng bà Ng lại bác bỏ nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Hiện tại ông M vẫn còn thương bà Ng nên không đồng ý ly hôn.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 07/7/2003; Huỳnh Ngọc Minh Ch, sinh ngày 08/3/2005 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016. Trường hợp phải ly hôn, ông M đồng ý giao con chung tên Huỳnh Ngọc Nhã U cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng các con chung Huỳnh Minh H và Huỳnh Ngọc Minh Ch đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Nhã U thì ông M không có ý kiến trình bày.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác M thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn với ông Huỳnh Thanh M; về con chung: giao con chung tên Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016 cho bà Ng được trực tiếp nuôi dưỡng; ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho tới khi con đủ 18 tuổi; riêng các con chung Huỳnh Minh H và Huỳnh Ngọc Minh Ch đã thành niên nên không yêu cầu hội đồng xét xử đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim Ng có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh M và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Huỳnh Thanh M hiện đang cư trú tại phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng yêu cầu được ly hôn, bị đơn ông Huỳnh Thanh M không đồng ý ly hôn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Huỳnh Thanh M chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105, ngày 08/8/2003. Theo quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến cuối năm 2021, đầu năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không tôn trọng, thương yêu nhau và tin tưởng nhau; thậm chí bà Ng đã từng nộp đơn xin ly hôn với ông M nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay.

[2.1.2] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình*

hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[2.1.3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Ng và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hoà giải để vợ chồng trở lại đoàn tụ hạnh phúc. Yêu cầu ly hôn của bà Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà Ng và ông M có 03 người con chung tên Huỳnh Minh H, sinh ngày 07/7/2003; Huỳnh Ngọc Minh Ch, sinh ngày 08/3/2005 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016. Riêng các con chung Huỳnh Minh H và Huỳnh Ngọc Minh Ch đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết; Hội đồng xét xử thấy:

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

Xét thấy, yêu cầu được quyền nuôi con chung Huỳnh Ngọc Nhã U của nguyên đơn là không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Ngọc Nhã U và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ng yêu cầu ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con ...”.*

Xét thấy, bà Ng yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi này, phù hợp với quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Huỳnh Thanh M như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn với ông Huỳnh Thanh M.

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim Ng được trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng các con chung Huỳnh Minh H và Huỳnh Ngọc Minh Ch đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Huỳnh Thanh M đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Huỳnh Thanh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 15/3/2016 mỗi tháng là 2.00.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho tới khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0007660 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Ông Huỳnh Thanh M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê